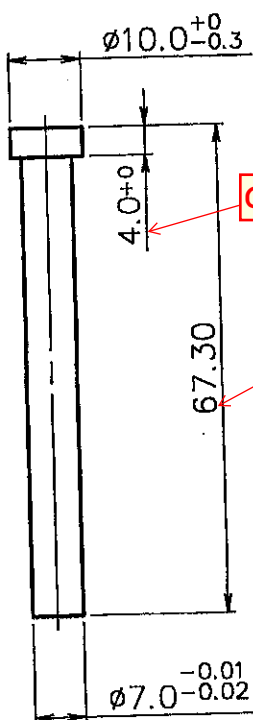


訂正Rev	日	付	記	事	擔當	金型加工公差表示			
						0.0000	±0.002	0.000 ⁺⁰	⁺⁰ -0.005
						0.000	±0.005	0.000-0	^{+0.005} -0
						0.00	±0.01	0.00 ⁺⁰	⁺⁰ -0.01
						0.0	±0.1	0.00-0	^{+0.01} -0
						0.	±0.2	0.0 ⁺⁰	⁺⁰ -0.1
								0.0-0	^{+0.1} -0

圖面上有公差表示時,以圖面公差優先

全周 C0.3

AF



工程

新圖面番號 S436925

註: EPN7-100追加加工

20P (cc)

抑制器銷

部 品 名		材 質		數 量		設 備 名 稱							
壓銷				3		第三抽製模具							
熱 處 理		表 面 處 理		檢 圖		設 計		製 圖		日 期		共通部品番號	
燒入 燒戻 HRC				曾中熙		曾中熙		曾中熙		2000/03/14		1-035	
尺 度		第三圖面		訂正 REV									
1/1 ()		角法番號		TM04-008T-00-2-011-AA									
				M50845.DWG									

華洲電機工業股份有限公司 V.2

414 203-0341

SNO: **S436925**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: Xuất hàng K2 Quy cách:EPN7-100	GS:15 AF:5